

Số: 176 /QĐ - ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2016 - 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-ĐHH ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Đại học Huế ban hành quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên trong các trường đại học thành viên, phân hiệu và đơn vị trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-ĐHH ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội phiên họp ngày 26 tháng 12 năm 2016

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2016 - 2017 cho **429 sinh viên** hệ chính quy (có danh sách sinh viên được nhận học bổng, mức cấp học bổng và trợ cấp xã hội kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà): Trưởng phòng Công tác sinh viên, Kế hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website;
- Lưu: VT, Phòng CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Đức Lương

DANH SÁCH

Sinh viên được cấp học bổng học tập khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội
học kỳ I năm học 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số: 186 /QĐ-ĐHL ngày 29 tháng 12 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
1	Lý Giang	Huyền	10/08/1991	Luật K37	837,500	100,000	937,500	
2	Huỳnh Thị	Chung	07/09/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
3	Nguyễn Thảo	Dung	17/11/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
4	Phan Thị Phương	Dung	06/11/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
5	Đoàn Thị Bích	Hảo	25/03/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
6	Võ Trọng	Hiếu	18/02/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
7	Lê Thị Ngọc	Huyền	03/07/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
8	Nguyễn Xuân	Hương	09/10/1994	Luật K37	837,500	-	837,500	
9	Nguyễn Thị Phương	Linh	01/07/1994	Luật K37	837,500	-	837,500	
10	Lê Thị Ngọc	Mai	30/10/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
11	Ngô Thị	Nhân	18/12/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
12	Nguyễn Thị	Nhi	07/10/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
13	Nguyễn Tô ý	Nhi	05/01/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
14	Nguyễn Văn	Phúc	10/08/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
15	Nguyễn Đức Lam	Phương	04/03/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
16	Hoàng Thị	Quên	10/09/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
17	Mai Thị Thu	Sương	25/09/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
18	Mai Thị	Thọ	01/01/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
19	Nguyễn Thị	Thu	01/07/1994	Luật K37	837,500	-	837,500	
20	Trương Thị	Thuận	11/01/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
21	Trần Thị Nhật	Thùy	29/01/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
22	Lê Thị Lâm	Thúy	06/02/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
23	Phạm Thị Thanh	Thủy	20/10/1994	Luật K37	837,500	-	837,500	
24	Nguyễn Hoàng Sơn	Trang	25/05/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
25	Lê Nữ Huyền	Trần	20/03/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
26	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	25/01/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
27	Dương Thị	Vân	29/12/1995	Luật K37	837,500	-	837,500	
28	Lương Thuý	Ân	04/11/1993	Luật K37	-	140,000	140,000	
29	H' Nĩ	Byã	10/02/1993	Luật K37	-	140,000	140,000	
30	Rơ Ô	Chiêm	26/07/1993	Luật K37	-	140,000	140,000	
31	Hồ Văn	Dự	10/12/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
32	Rochâm	Duen	11/12/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
33	Nguyễn Văn	Dũng	01/06/1995	Luật K37	-	140,000	140,000	
34	Lý Bá	Duy	25/05/1995	Luật K37	-	140,000	140,000	
35	Vy Thị	Duyên	27/07/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
36	Y Biên	Êban	01/12/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
37	Hoàng Trung	Giàu	22/09/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
38	Nay	H'rom	17/09/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
39	Sô Kha Minh	Hùng	21/11/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
40	Phạm Văn	Hùng	05/09/1995	Luật K37	-	140,000	140,000	
41	Bàn Thị Lan	Hương	21/04/1995	Luật K37	-	140,000	140,000	
42	La Văn	Huy	20/01/1989	Luật K37	-	140,000	140,000	
43	Phan Văn	Kỳ	09/01/1992	Luật K37	-	140,000	140,000	
44	Trần Ngọc	Nghĩa	09/08/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
45	Lương Quốc	Phòng	25/03/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
46	Vị Thị	Phường	28/11/1995	Luật K37	-	140,000	140,000	
47	Lê Thị Hải	Tăng	20/12/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
48	Lãnh Thị	Thúy	20/10/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
49	Dương Thị	Vân	29/12/1995	Luật K37	-	140,000	140,000	
50	Nguyễn Văn	Xanh	20/10/1994	Luật K37	-	140,000	140,000	
51	Trần Thị Hải	Yến	01/06/1995	Luật K37	-	140,000	140,000	
52	Cao Thị Diệu	Hiên	02/11/1994	Luật K37	-	100,000	100,000	
53	Bùi Thị Hoài	Thương	22/02/1995	Luật KT K37	837,500	140,000	977,500	
54	Trần Thị Hương	Giang	05/05/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
55	Lê Thị	Lãnh	30/08/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
56	Lê Thị	Lý	15/05/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
57	Hoàng Thị Thùy	Mỹ	15/04/1994	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
58	Phan Lê Thảo	Nhi	01/08/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
59	Trương Thị Hằng	Ni	02/10/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
60	Trần Thị Như	Quỳnh	20/04/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
61	Phan Thị Tiên	Sinh	10/08/1994	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
62	Võ Thị Phương	Tây	30/07/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
63	Nguyễn Thị	Thơm	13/12/1994	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
64	Nguyễn Thị	Thúy	14/07/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
65	Nguyễn Thị Thanh	Thương	24/07/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
66	Trần Thị	Thương	15/09/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
67	Nguyễn Thị	Tú	24/12/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
68	Mã Thị	út	28/06/1995	Luật KT K37	837,500	-	837,500	
69	Luân Thị Thu	Hoài	26/09/1995	Luật KT K37	-	140,000	140,000	
70	Ksor	Kun	10/10/1995	Luật KT K37	-	140,000	140,000	
71	Trần Văn	Mức	15/05/1994	Luật KT K37	-	140,000	140,000	
72	Bùi Thị Mỹ	Nương	02/01/1995	Luật KT K37	-	140,000	140,000	
73	Triệu Thị	Thúy	05/10/1996	Luật K38	837,500	140,000	977,500	
74	Trần Đình	An	10/01/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
75	Phạm Chí	Chiến	31/07/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
76	Nguyễn Thị	Dành	08/03/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
77	Đỗ Như Thảo	Diệu	14/07/1995	Luật K38	837,500	-	837,500	
78	Nguyễn Thái Phương	Dung	06/03/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
79	Trần Thị	Dung	05/03/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
80	Phan Thị Mai	Duyên	05/05/1995	Luật K38	837,500	-	837,500	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
81	Nguyễn	Đại	22/03/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
82	H Gái	Êban	22/04/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
83	Đặng Thị	Hà	20/04/1995	Luật K38	837,500	-	837,500	
84	Nguyễn Hữu	Hậu	23/07/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
85	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	04/10/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
86	Nguyễn Thị Thu	Huyền	02/11/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
87	Võ Thị Thu	Hường	10/12/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
88	Nguyễn Thị Hoài	Linh	19/04/1995	Luật K38	837,500	-	837,500	
89	Trần Thị Hoa	Mai	10/06/1995	Luật K38	837,500	-	837,500	
90	Nguyễn Nhật	Nam	02/08/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
91	Bùi Thị Yến	Nhi	15/11/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
92	Lê Ngọc	Phú	07/11/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
93	Phan Thanh	Phụng	20/09/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
94	Nguyễn Như	Quỳnh	30/08/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
95	Phan Diễm	Sỹ	12/09/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
96	Bùi Thị	Thảo	02/02/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
97	Bùi Ngọc	Thạch	16/04/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
98	Đàm Thị	Giang	26/03/1996	Luật K38	837,500	-	837,500	
99	Nguyễn Hoàng	Ny	03/08/1994	Luật K38	837,500	-	837,500	
100	H Plun	Byă	07/01/1996	Luật K38	-	140,000	140,000	
101	H Gái	Êban	22/04/1996	Luật K38	-	140,000	140,000	
102	Hồ Thị	Gần	28/05/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
103	Nông Thị Thu	Hà	26/02/1996	Luật K38	-	140,000	140,000	
104	Lê Thượng	Hải	01/01/1996	Luật K38	-	140,000	140,000	
105	Pho Loong La Ôn	Ka	21/11/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
106	Hồ Thị	Lân	12/06/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
107	Bùi Thị	Lệ	16/05/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
108	Lê Thị	Linh	28/12/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
109	A Cơ Ly	Ly	05/11/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
110	Hồ Văn	Mần	02/01/1994	Luật K38	-	140,000	140,000	
111	H Wuăn	Mlô	01/08/1996	Luật K38	-	140,000	140,000	
112	Hồ Thị Kim	Nga	11/02/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
113	Hồ Văn	Nghiêm	28/04/1996	Luật K38	-	140,000	140,000	
114	Hồ Thị	Ngọc	01/01/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
115	Hồ Thị	Sao	15/01/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
116	Hồ Văn	Son	12/05/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
117	Nay	Song	23/04/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
118	Trần Thị	Sửu	19/07/1994	Luật K38	-	140,000	140,000	
119	Kring Y Mai	Thương	28/02/1996	Luật K38	-	140,000	140,000	
120	Phạm Thị	Thúy	20/09/1996	Luật K38	-	140,000	140,000	
121	Hồ Thị	Tiết	15/11/1992	Luật K38	-	140,000	140,000	
122	Nguyễn Trần Cẩm	Tú	27/10/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
123	Phạm Thị	Tuyền	15/11/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
124	Hồ Thị	Xinh	09/10/1995	Luật K38	-	140,000	140,000	
125	Nguyễn Đức	Thành	15/02/1996	Luật K38	-	100,000	100,000	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
126	Trần Minh	Thiện	20/06/1993	Luật K38	-	100,000	100,000	
127	La Thị Thu	Thủy	12/02/1996	Luật K38	-	100,000	100,000	
128	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	19/05/1996	Luật KT K38	837,500	100,000	937,500	
129	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/11/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
130	Nguyễn Thị	Dịu	10/08/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
131	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	30/01/1995	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
132	Lê Thị	Hương	01/01/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
133	Nguyễn Duy	Thanh	10/10/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
134	Nguyễn Thị Phương	Thanh	06/07/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
135	Trần Chí	Thành	23/12/1994	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
136	Lê Trần Kim	Thoa	20/11/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
137	Đinh Thị Ngọc	Thùy	10/03/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
138	Bùi Thị Quỳnh	Trang	01/07/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
139	Nguyễn Tường Tổ	Uyên	06/09/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
140	Lê Bá	Ngọc	10/08/1995	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
141	Trần Thị Thùy	Trang	05/05/1995	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
142	Trần Thị Diệu	Hằng	07/08/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
143	Đỗ Hoàng Ngọc	Uyên	21/08/1996	Luật KT K38	837,500	-	837,500	
144	Lương Trung	Dũng	06/04/1995	Luật KT K38	-	140,000	140,000	
145	Mạc Thị	Huyền	05/07/1996	Luật KT K38	-	140,000	140,000	
146	Lê Phúc	Hùng	05/02/1995	Luật KT K38	-	140,000	140,000	
147	Lê Thị	Hương	16/03/1996	Luật KT K38	-	140,000	140,000	
148	Hồ Thị	Phượng	06/11/1995	Luật KT K38	-	140,000	140,000	
149	Lang Trung	Thành	01/01/1996	Luật KT K38	-	140,000	140,000	
150	Lê Thị Diệu	Liên	02/01/1995	Luật KT K38	-	140,000	140,000	
151	Nguyễn Thị	Thêm	20/01/1996	Luật KT K38	-	140,000	140,000	
152	Đinh Thị	Bình	08/09/1997	Luật K39	837,500	140,000	977,500	
153	Phạm Thị Ngọc	Bích	26/02/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
154	Đoạn Thị Kiều	Diễm	05/11/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
155	Võ Thị Thu	Diễm	04/07/1996	Luật K39	837,500	-	837,500	
156	Nguyễn Thị Bích	Diệu	21/09/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
157	Trần Thị	Diệu	12/10/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
158	Phạm Thị Thùy	Dung	16/04/1996	Luật K39	837,500	-	837,500	
159	Phạm Tiên	Dung	23/04/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
160	Nguyễn Đức	Duy	12/08/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
161	Trần Thị Kim	Đào	15/03/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
162	Ngô Thị	Diễm	20/08/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
163	Nguyễn Trịnh	Đinh	19/08/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
164	Đỗ Thanh	Hà	17/02/1996	Luật K39	837,500	-	837,500	
165	Hoàng Thị Mỹ	Hậu	02/08/1995	Luật K39	837,500	-	837,500	
166	Phan Thị	Mỹ	23/09/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
167	Nguyễn Thị	Nga	16/03/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
168	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	24/05/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
169	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	01/01/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
170	Phan Hồng	Nhung	10/04/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
171	Trần Thị Quỳnh	Như	28/02/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
172	Hoàng Thị Diệu	Phương	16/10/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
173	Nguyễn Thị	Quyên	08/01/1996	Luật K39	837,500	-	837,500	
174	Lê Thành	Tài	21/06/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
175	Bùi Thanh	Tâm	18/03/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
176	Hoàng Ngọc	Thu	16/02/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
177	Phạm Thị Thu	Thủy	19/05/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
178	Ngô Công	Trường	12/02/1996	Luật K39	837,500	-	837,500	
179	Nguyễn Thị	Tur	20/10/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
180	Đậu Thị Thanh	Vân	19/02/1997	Luật K39	837,500	-	837,500	
181	Ngô Thị Mỹ	Duyên	27/07/1996	Luật R39	837,500	-	837,500	
182	Đặng Thị	Huyền	07/03/1996	Luật R39	837,500	-	837,500	
183	Luân Thị	Giang	14/07/1997	Luật K39	670,000	140,000	810,000	
184	Tô Thị	Thương	24/10/1997	Luật K39	670,000		670,000	
185	Phan Nguyễn Diệu	Trinh	25/12/1997	Luật K39	670,000		670,000	
186	H Riam	Adrông	10/03/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
187	Hồ Quốc	Anh	05/02/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
188	Đinh Thị	Bình	08/09/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
189	H-Liệt-	Byã	16/09/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
190	Trần Thị	Chằng	27/07/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
191	Rahlan	Chiến	20/09/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
192	Hồ Văn	Cuối	10/11/1994	Luật K39	-	140,000	140,000	
193	Rơ Mah H'	De	10/08/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
194	Blong	Đạt	22/03/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
195	Hồ Văn	Dí	17/07/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
196	Hồ Thị	Giang	15/05/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
197	Hồ Thị	Gió	01/12/1995	Luật K39	-	140,000	140,000	
198	Vy Thu	Hà	11/04/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
199	Hồ văn	Hồi	01/02/1995	Luật K39	-	140,000	140,000	
200	Lê Minh	Huân	04/04/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
201	Bùi Xuân	Hùng	01/01/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
202	Vi Văn	Hùng	11/10/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
203	A Rét Thị	Hương	10/06/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
204	Hồ Thanh	Hương	27/04/1995	Luật K39	-	140,000	140,000	
205	Hồ Văn	Inh	24/06/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
206	H' Mương	Knul	05/03/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
207	Hồ Thị Mỹ	Lệ	14/04/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
208	Lê Văn	Lên	05/06/1994	Luật K39	-	140,000	140,000	
209	Hồ Thị Kim	Liên	06/09/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
210	Lò Văn	Linh	28/01/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
211	Bhnuóch	Lịnh	21/02/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
212	Hoàng Thị	Lý	06/03/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
213	Hồ Văn	Mười	02/09/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
214	Lộc Thị	Na	17/12/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
215	Y	Năng	08/05/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	



STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
216	Hồ Văn	Nanh	16/08/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
217	Đinh Hồng	Nghĩa	25/02/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
218	Ksor Hò	Nguyệt	25/05/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
219	Đinh Thị Yến	Nhi	31/01/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
220	Quách Thị Dung	Nhi	03/07/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
221	Ksor H'	Nhin	18/12/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
222	Hồ Văn	Nhớ	22/06/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
223	Hồ Thị	Nhơn	30/07/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
224	Y	Nững	19/07/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
225	Hồ Thị	On	15/10/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
226	Hồ Văn	Phong	08/08/1996	Luật K39		140,000	140,000	
227	Phùng Thị	Phước	29/12/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
228	Hồ Văn	Quý	12/03/1995	Luật K39	-	140,000	140,000	
229	Lục Đăng	Quyển	02/06/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
230	Hồ Thị	Sanh	11/10/1995	Luật K39	-	140,000	140,000	
231	Lê Thị Kim	Siêu	22/11/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
232	Nông Thị Hoài	Thanh	25/06/1997	Luật K39		140,000	140,000	
233	Hồ Thị Phương	Thảo	25/10/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
234	Nguyễn Thị	Thích	12/02/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
235	Hồ Xuân	Thuận	01/05/1995	Luật K39	-	140,000	140,000	
236	Nguyễn Thị Phương	Thúy	04/09/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
237	Đinh Thị	Trang	10/10/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
238	Hoàng Thị	Tuyền	23/09/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
239	Hồ Văn	Huỳnh	22/06/1996	Luật K39	-	140,000	140,000	
240	Hồ Thị	Liều	15/10/1995	Luật K39	-	140,000	140,000	
241	Phạm Thị	Tý	05/11/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
242	Nông Thị Hoài	Thanh	25/06/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
243	Phạm Thị	Tý	05/11/1997	Luật K39	-	140,000	140,000	
244	Châu Trần Bội	Linh	07/01/1997	Luật KT K39	837,500	-	837,500	
245	Huỳnh Thị	Mừng	02/08/1997	Luật KT K39	837,500	-	837,500	
246	Võ Huỳnh Ngọc	Quyên	26/05/1996	Luật KT K39	837,500	-	837,500	
247	Nguyễn Thị Minh	Thư	08/06/1997	Luật KT K39	837,500	-	837,500	
248	Nguyễn Thuý	Trang	10/11/1997	Luật KT K39	837,500	-	837,500	
249	Nguyễn Phước	Vinh	26/02/1997	Luật KT K39	837,500	-	837,500	
250	Phạm Thị Lệ	Xuân	24/11/1997	Luật KT K39	837,500	-	837,500	
251	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	14/09/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
252	Phạm Thị	Hằng	25/06/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
253	Nguyễn Văn	Huy	10/07/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
254	Phạm Quỳnh	Hương	21/10/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
255	Nguyễn Minh	Khang	27/04/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
256	Nguyễn Thị Thanh	Linh	24/09/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
257	Đỗ Thị Thanh	Nga	24/10/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
258	Nguyễn Thanh	Ngân	24/08/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
259	Hồ Thị Hồng	Nhi	19/02/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
260	Nguyễn Thị	Phụng	10/07/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
261	Nguyễn	Thái	10/10/1996	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
262	Lê Thị Bích	Thủy	28/11/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
263	Đoàn Thị Anh	Thư	05/05/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
264	Nguyễn	Vũ	07/07/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
265	Trần Thị Thu	Ái	13/10/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
266	Nguyễn Phi	Hùng	03/02/1997	Luật KT K39	670,000	-	670,000	
267	Vy Đông	A	02/09/1995	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
268	Hồ Thị	Bường	15/05/1996	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
269	Arát	Chung	04/11/1997	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
270	Hà Quốc	Đạt	15/01/1996	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
271	Nông Cao	Định	21/05/1997	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
272	A Moong	Hân	23/10/1994	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
273	Nguyễn Văn	Luật	25/01/1996	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
274	Hoàng Thùy	Linh	05/09/1997	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
275	Lý Thị	Oanh	10/02/1997	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
276	Nguyễn Thị	Phụng	10/07/1997	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
277	Hồ Thị	Quế	16/05/1996	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
278	Hà Thị	Thu	01/06/1997	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
279	Cao Thị Ngọc	Thủy	02/09/1996	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
280	Lò Thị Quế	Trâm	02/09/1996	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
281	Quách Huyền	Trang	11/04/1997	Luật KT K39	-	140,000	140,000	
282	Nguyễn Duy	Hiển	28/04/1997	Luật KT K39	-	100,000	100,000	
283	Nguyễn Thị	Lài	11/03/1997	Luật K40	837,500	-	837,500	
284	Hoàng Thị	Lệ	25/09/1998	Luật K40	837,500	-	837,500	
285	Hoàng Thị	Liên	25/05/1997	Luật K40	837,500	-	837,500	
286	Phạm Diệu	Linh	28/02/1998	Luật K40	837,500	-	837,500	
287	Nguyễn Văn	Nhân	27/03/1998	Luật K40	837,500	-	837,500	
288	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/03/1998	Luật K40	837,500	-	837,500	
289	Nguyễn Thị	Oanh	22/05/1997	Luật K40	837,500	-	837,500	
290	Thái Thị Thanh	Tâm	01/01/1998	Luật K40	837,500	-	837,500	
291	Bùi Thị Hoàng	Trang	17/09/1997	Luật K40	837,500	-	837,500	
292	Nguyễn Khánh	Huyền	30/03/1998	Luật K40	837,500	-	837,500	
293	Lê Thị	Thơm	12/07/1998	Luật K40	837,500	-	837,500	
294	Nguyễn Thị Kiều	Phương	05/04/1997	Luật K40	837,500	-	837,500	
295	Hồ Thị	Trang	01/08/1997	Luật K40	837,500	-	837,500	
296	Nguyễn Đình	Chi	14/12/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
297	Phan Thị Thùy	Dung	29/03/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
298	Đặng Thị Mỹ	Duyên	05/03/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
299	Trần Tiến	Dũng	24/03/1997	Luật K40	670,000	-	670,000	
300	Nguyễn Thị	Hải	08/10/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
301	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	23/04/1997	Luật K40	670,000	-	670,000	
302	Tán Thị Mỹ	Hằng	31/10/1997	Luật K40	670,000	-	670,000	
303	Trương Thị Thúy	Hằng	12/09/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
304	Hoàng Thị Thu	Hoài	08/08/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
305	Lê Thị ánh	Hương	01/01/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
306	Ngô Thị Bích	Hường	07/04/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
307	Trần Hồng	Lê	01/06/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
308	Võ Thị Tuyết	Mai	22/11/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
309	Hoàng Thị Trà	My	02/05/1996	Luật K40	670,000	-	670,000	
310	Nguyễn Văn	Nam	03/02/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
311	Trà Thị Mỹ	Ngọc	02/02/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
312	Hoàng Thị Kiều	Oanh	17/03/1997	Luật K40	670,000	-	670,000	
313	Phạm Thị	Phương	17/11/1997	Luật K40	670,000	-	670,000	
314	Phạm Thị Như	Quỳnh	05/03/1997	Luật K40	670,000	-	670,000	
315	Huỳnh Huyền	Sâm	29/05/1997	Luật K40	670,000	-	670,000	
316	Đặng Thị	Sương	20/01/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
317	Nguyễn Thị	Thảo	14/03/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
318	Nguyễn Thị	Thảo	12/06/1996	Luật K40	670,000	-	670,000	
319	Ngô Thị Hoài	Thương	06/03/1998	Luật K40	670,000	-	670,000	
320	Ngô Thị Thủy	Tiên	17/02/1997	Luật K40	670,000	-	670,000	
321	Nguyễn Thị	Huyền	30/11/1997	Luật K40	670,000	-	670,000	
322	Avô	Abôm	01/01/1995	Luật K40	-	140,000	140,000	
323	Hồ Văn	An	03/08/1995	Luật K40	-	140,000	140,000	
324	Hồ Thị Ngọc	Anh	21/07/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
325	Trần Thị	Cam	28/08/1996	Luật K40	-	140,000	140,000	
326	Nguyễn Xuân	Cân	10/08/1994	Luật K40	-	140,000	140,000	
327	Hồ Văn	Cháu	26/03/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
328	Phạm Tấn	Công	21/03/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
329	Rmah H'	Cúc	08/12/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
330	Nguyễn Văn	Dan	17/02/1993	Luật K40	-	140,000	140,000	
331	Hà Văn	Hải	28/12/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
332	Rcom	H'gưn	23/04/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
333	Quách Thị	Hiền	22/05/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
334	Nông Phúc	Hiền	24/01/1996	Luật K40	-	140,000	140,000	
335	Nguyễn Đắc	Hình	07/06/1996	Luật K40	-	140,000	140,000	
336	Rơ Mah H'	Hoà	01/01/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
337	Hồ Văn	Hoạch	01/01/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
338	Nay Hờ	Hoài	10/10/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
339	Ploong Thị	Hoài	18/12/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
340	Hồ Văn	Hoạch	01/01/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
341	Hoàng Quốc	Hội	27/07/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
342	Hoàng Thị	Huế	18/11/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
343	Phùng Hoa Kim	Huệ	21/04/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
344	Hoàng Thị	Huệ	25/08/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
345	Kring	Hươn	01/04/1994	Luật K40	-	140,000	140,000	
346	Đoàn Ngọc	Huy	31/12/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
347	Phạm Quốc	Huy	15/09/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
348	Hoàng Thị	Huyền	28/09/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
349	Đạo Chế Quốc	Khánh	15/07/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
350	Kpuih H'	Khlok	11/10/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
351	Hồ Văn	Kiểm	15/03/1991	Luật K40	-	140,000	140,000	
352	Hồ Thị	Kiều	27/12/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
353	Cầm Thị	Lan	05/12/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
354	Sử Thị Hồng	Liều	29/05/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
355	Kpuih H'	Linh	20/08/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
356	Ngô Thuỷ	Linh	18/07/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
357	A Lăng	Lợi	06/02/1996	Luật K40	-	140,000	140,000	
358	Alê Ri	Na	26/12/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
359	Đinh Văn	Nam	14/02/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
360	Hồ Thị	Nghê	12/10/1996	Luật K40	-	140,000	140,000	
361	Nguyễn Thị Thanh	Nghi	06/12/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
362	Hồ Thị Thảo	Nguyên	21/05/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
363	Luân Thị ánh	Nguyệt	18/07/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
364	Nguyễn Thị Trúc	Nhã	12/07/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
365	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	28/07/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
366	Rmah H'	Nhang	05/03/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
367	Y	Nhung	03/05/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
368	Alăng	Nóc	10/03/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
369	Kpă H'	Pa	02/06/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
370	Trần Văn	Pho	15/06/1991	Luật K40	-	140,000	140,000	
371	R' Ô H'	Puin	13/10/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
372	Triệu Thị Lệ	Quyên	22/01/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
373	Trần Văn	Sinh	23/12/1994	Luật K40	-	140,000	140,000	
374	Lê Thị	Sự	25/05/1996	Luật K40	-	140,000	140,000	
375	Hoàng Thị	Sun	26/10/1996	Luật K40	-	140,000	140,000	
376	Y	Sửu	19/05/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
377	Phạm Văn	Thâm	28/02/1993	Luật K40	-	140,000	140,000	
378	Lương Thị	Thắm	02/10/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
379	Y	Thảo	12/06/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
380	Triệu Thị Thanh	Thảo	23/08/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
381	Hồ Văn	Thích	08/09/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
382	Lê Mo Thị	Thoa	10/05/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
383	Hồ Thị	Thơm	06/12/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
384	Zorâm	Thơm	26/03/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
385	Bhát Thị Hoài	Thương	20/09/1997	Luật K40	-	140,000	140,000	
386	Bế Thị Thủy	Tiên	01/01/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
387	Lý Hà	Trang	30/05/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
388	Hồ Bá	Trung	28/02/1998	Luật K40	-	140,000	140,000	
389	Hồ Thị	Xót	04/03/1994	Luật K40	-	140,000	140,000	
390	Nông Thu	Hà	18/03/1997	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
391	Lê Thị Lệ	Hằng	11/01/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
392	Nguyễn Thị	Huệ	26/04/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
393	Đặng Thanh	Huyền	20/06/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
394	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/06/1996	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
395	Nguyễn Thị ái	Linh	28/10/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	HBKK	TCXH	Tổng tiền	Ghi chú
396	Hồ Thị Long	17/04/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
397	Nguyễn Thị Thiên Lý	09/12/1996	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
398	Trần Thị Mai	02/12/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
399	Lê Thị Thùy Min	10/03/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
400	Trần Việt Hoàn Mỹ	03/01/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
401	Tường Thị Ngân	23/10/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
402	Nguyễn Ngọc Thành	19/05/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
403	Nguyễn Phương Thảo	17/02/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
404	Trần Thị Phương Thảo	03/11/1996	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
405	Phan Toàn Thịnh	12/10/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
406	Trần Thị Thu Thủy	01/01/1998	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
407	Phạm Thị Thùy Trang	15/03/1996	Luật KT K40	837,500	-	837,500	
408	Nguyễn Thanh Huyền	29/06/1998	Luật KT K40	670,000	-	670,000	
409	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	07/05/1998	Luật KT K40	670,000	-	670,000	
410	Nguyễn Phương Thảo	26/09/1998	Luật KT K40	670,000	-	670,000	
411	Nguyễn Thị Cẩm Tú	05/07/1997	Luật KT K40	670,000	-	670,000	
412	Nghiêm Ngọc Ánh	01/05/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
413	Ksor Y Chương	02/01/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
414	Trần Văn Đền	14/03/1996	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
415	Hồ Thị Dịp	04/10/1996	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
416	Nguyễn Khánh Duy	24/03/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
417	Nông Thị Thu Hà	01/11/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
418	Nông Thu Hà	18/03/1997	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
419	Trịnh Văn Hiệp	22/02/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
420	Vì Ngọc Lâm	18/12/1997	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
421	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/07/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
422	Lê Mai Ly	18/02/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
423	Hồ Văn Mẫn	16/06/1995	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
424	Phan Thị Thu Ngân	05/01/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
425	Hồ Thị Phúc	12/07/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
426	Vy Thị Thủy	02/03/1998	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
427	Hoàng Thị Trang	15/07/1997	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
428	Ra Pát Trư	23/10/1994	Luật KT K40	-	140,000	140,000	
429	Lê Hoàng Việt	22/02/1997	Luật KT K40	-	140,000	140,000	

* Danh sách này gồm có 429 sinh viên



Đoàn Đức Lương